TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 04 - 10 - 2018
Về việc:"Chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu
Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hồ Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2018/TLPT-HNGĐ ngày 09/ 8/2018 về tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn", do có kháng cáo của bị đơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2018/QĐPT ngày 30/8/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2018/QĐPT ngày 11/9/2018; Quyết định thay đổi Kiểm sát viên số 170 ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà TTT, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Số 86/23 đường NTĐ, tổ 13, khu phố 2, phường PN, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà TTT: Bà Nguyễn Thị Mơ, Luật sư thuộc Cty Luật hợp danh anh luật. Địa chỉ: số 3 đường số 6, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông NQT, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số 86/23 đường NTĐ, tổ 13, khu phố 2, phường PN, thành phố X, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà TTT trình bày:

Bà và ông NQT là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định số: 103/2017/QĐST-VHNGD ngày 29/8/2017 của TAND thành phố X. Tuy nhiên,

khi giải quyết ly hôn thì vợ chồng chưa giải quyết về tài sản chung. Nay Bà khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, cụ thể:

+ Thửa đất số 07 (nay là thửa 39) tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường PN, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tài sản trên đất. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Bà đã rút yêu cầu tranh chấp đối với thửa đất này, chỉ còn tranh chấp tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 3, nhà tạm và 02 dãy nhà trọ. Đây là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu chia đôi. Bà có nguyện vọng được sở hữu những tài sản này vì hiện nay không có nhà để ở, nhưng còn phải nuôi con ăn học, Bà sẽ thanh toán cho ông NQT ½ giá trị tài sản này.

+ Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 30 tại xã HL, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tài sản sản gắn liền trên đất gồm: Nhà, các công trình kiến trúc, cây trồng. Đây là tài sản chung của vợ chồng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, Bà đồng ý giao toàn bộ cho ông NQT sử dụng, yêu cầu ông NQT phải thanh toán ½ giá trị tài sản này cho Bà.

+ 01 xe máy SH biển số 72D1 189.42; 01 tivi hiệu Samsung 40 inch hiện nay ông NQT đang sử dụng để Ông tiếp tục sử dụng, nhưng phải có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị tài sản này cho Bà. Bộ bàn ghế Salon gỗ Bà yêu cầu được nhận và sẽ thanh toán ½ giá trị tài sản này cho ông NQT.

- *Bị đơn ông NQT trình bày*:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà TTT là hai người đã ly hôn theo Quyết định số 103/2017/QĐST-VHNGD ngày 29/8/2017 của TAND thành phố X; khi giải quyết ly hôn thì vợ chồng chưa giải quyết về phần tài sản chung.

+ Thửa đất số 07 (nay là thửa 39) tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường PN, thành phố X, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu Ông không tranh chấp thửa đất này, sau này đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng Ông sẽ tranh chấp bằng một vụ án khác. Ông thừa nhận, những tài sản mà bà TTT tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, Ông không đồng ý cách phân chia của bà TTT, yêu cầu phân chia tài sản chung như sau:

Căn nhà cấp 3 A1; nhà tạm gắn liền nhà cấp 3 và 02 dãy nhà trọ 16 phòng trên thửa đất số 39, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường PN thì Ông đồng ý chia đôi, ai lấy nhà cấp 3 thì người kia lấy nhà trọ, Ông ưu tiên cho bà TTT chọn trước.

+ Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 13 thuộc xã HL, thành phố X, Ông đồng ý chia đôi diện tích theo hiện trạng. Công trình nằm trên phần đất bên nào thì bên đó được nhận luôn phần tài sản trên đất và bên kia thanh toán giá trị chênh lệch cho bên còn lại, ưu tiên cho bà TTT chọn trước.

+ Đối với chiếc xe SH biển số 72D1 189.42 hiện do ông đứng tên; 01 tivi hiệu Samsung 40 inch hiện nay Ông đang sử dụng nên có nguyện vọng được nhận 02 tài sản này và sẽ thanh toán giá trị chệnh lệch cho bà TTT. Còn bộ bàn ghế Salon gỗ nếu ai lấy thì phải thanh toán số tiền chênh lệch cho người kia.

Tại Bản án sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 15-6-2018 của Tòa án nhân dân thành phố X đã tuyên xử:

1. Giao cho bà TTT được quyền sử dụng, sử hữu những tài sản được phân chia từ tài sản chung gồm:

+ Căn nhà cấp 3 A1 (01 triệt , 1 lầu) có diện tích sử dụng là 132,6m^2; nhà tạm gắn liền với nhà cấp 3 A1 diện tích 23,9m^2; 02 dãy nhà trọ (01 dãy diện tích 213,1m^2, 01 dãy diện tích 24,9m^2). Các công trình này đều nằm trên thửa đất số thửa đất số 07 (nay là thửa 39) tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường PN, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có sơ đồ vị trí kèm theo).

+ 01 bộ bàn ghế Salon (gồm 04 ghế đơn, 01 ghế dài, 01 bàn, 04 ghế đẩu).

Tổng giá trị tài sản là 694.294.460 đồng.

2. Giao cho ông NQT được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản được phân chia từ tài sản chung sau:

+ 01 lô đất diện tích 683,9m^2 thuộc thửa đất số 290, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã HL, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có sơ đồ vị trí kèm theo).

+ 01 chiếc xe SH biển số 72D1 -18942 (người đứng tên NQT); 01 chiếc tivi hiệu Samsung 40 inch.

Tổng giá trị tài sản 533.587.000 đồng.

Ông NQT có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, sang tên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Bà TTT có nghĩa vụ thanh toán cho ông NQT số tiền chênh lệch về giá trị tài sản là 80.353.730 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về lãi suất do chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26/6/2018, ông NQT kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giải quyết:

+ Chia đôi hiện vật tài sản gồm: Căn nhà 01 trệt, 01 lầu và 16 phòng trọ với diện tích đất ở 409,9m^2 tại địa chỉ số 86/23 đường NTĐ, tổ 13, khu phố 2, phường PN, thành phố X để đảm bảo cho chỗ ở và sinh hoạt của Ông và cả bà TTT. Bên nào nhận phần tài sản giá trị lớn hơn thì có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch cho bên kia.

+ Chia đôi theo giá trị tài sản đất diện tích 683,9m^2 thuộc thửa số 290, tờ bản đồ 30 tọa lạc tại xã HL, thành phố X. Ông xin nhận tài sản và thanh toán 50% giá trị tài sản trên cho bà TTT.

+ Chia đôi giá trị tài sản 01 chiếc xe SH giá 50.000.000đồng; 01 chiếc tivi hiệu Samsung 40 inch giá 4.000.000đồng; 01 bộ bàn ghế giá 12.000.000đồng. Tổng cộng 66.000.000đồng, Ông lấy xe SH và thanh toán phần giá trị chênh lệch cho bà TTT.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu giải quyết diện tích đất thửa số 07 (mới số 39, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường PN);

Luật sư của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa*:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định.

+ Về nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo: Xét thấy, cấp sơ thẩm đã giải quyết hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật về việc phân chia tài sản chung của ông NQT và bà TTT sau ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông NQT, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xác định quan hệ tranh chấp cần được giải quyết là "Chia tài sản sau khi ly hôn" Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Tài sản là bất động sản có tại thành phố X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của TAND thành phố X theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo:

Bà TTT và ông NQT đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 103/2017/QĐST-VHNGĐ ngày 29/8/2017 của TAND thành phố X, nhưng tài sản chung của vợ chồng chưa được giải quyết. Nay bà TTT yêu cầu giải quyết, nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định.

Các bên đương sự đều thừa nhận những tài sản gồm nhà ở; 16 phòng trọ có trên thửa đất số 07 (nay là thửa 39) tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường PN, thành phố X; Thửa đất số 290 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã HL, thành phố X và tài sản trên đất cùng bộ bàn ghế gỗ; 01 xe máy SH; 01 ti vi Samsum là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và đồng ý chia đôi mỗi

người được hưởng ½ giá trị. Khi chia hiện vật thì ai nhận phần hơn phải có nghĩa vụ thanh toán lại phần giá trị chênh lệch của tài sản cho người kia.

[2.1] Đối với quyền sử dụng đất thửa số 07 (nay là thửa 39) tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường PN, thành phố X:

Các đương sự đều thừa nhận là do Bộ Quốc phòng cấp cho bà TTT vào tháng 7 năm 1991 khi còn độc thân, nhưng đến nay vẫn chưa được cấp GCNQSD đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/12/2017 , bà TTT có đơn thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện giải quyết đối với thửa đất số 07 này. Do bị đơn đồng ý và không có yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm đã ra Quyết định đình chỉ một phần giải quyết vụ án. Quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Xét nội dung quyết định việc bà TTT được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản gồm căn nhà cấp 3A1 (01 triệt, 1 lầu) có diện tích sử dụng là 132,6m^2; nhà tạm gắn liền với nhà cấp 3A1 diện tích 23,9m^2; 02 dãy nhà trọ (01 dãy diện tích 213,1m^2, 01 dãy diện tích 24,9m^2). Các công trình này đều nằm trên thửa đất số 07 (nay là thửa 39) tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường PN, thành phố X:

Nhận thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét và tuyên xử giao cho bà TTT được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt là hoàn toàn hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật.

Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thừa nhận thửa đất số 07 có diện tích 400,3m^2 do Bộ Quốc phòng cấp cho bà TTT sử dụng từ năm 1991, đến năm 1992 bà TTT mới kết hôn với ông NQT. Lý do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà TTT là do UBND thành phố X đang chờ kết quả trả lời của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là bà TTT có phải nộp tiền sử dụng đất hay không? theo Công văn số 2989/UBND-VP ngày 22/9/2017 của UBND thành phố X gửi UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường "Xin ý kiến giải quyết về việc cấp giấy chứng nhận đối với đất có nguồn gốc đất Quốc phòng tại phường PN, Long Toàn, thành phố X" .

Về nguyên tắc khi giải quyết quyền sở hữu tài sản là bất động sản nhà ở kiên cố trên đất cần được xem xét giải quyết đồng thời cùng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và tại Điều 8, 9, 10, 11 Luật Nhà ở năm 2014. Việc bà TTT yêu cầu giải quyết quyền sở hữu tài sản trên đất và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, người sở hữu tài sản là bất động sản kiên cố gắn liền với đất. Hoàn toàn hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông NQT và cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần tài sản này.

Theo án sơ thẩm thì tổng giá trị tài sản có trên thửa đất số 07 là 679.294.460 đồng : 2 = 339.647.230đồng/người.

Bà TTT nhận toàn bộ tài sản này nên phải có nghĩa vụ giao cho ông NQT số tiền 339.647.230đồng.

[2.3] Các tài sản tranh chấp còn lại gồm có:

+ Diện tích đất 683,9m^2 và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 290, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã HL, thành phố X;

+ 01 chiếc tivi hiệu Samsung 40 inch;

+ 01 chiếc xe SH biển số 72D1 189.42;

+ 01 bộ bàn ghế Salon gỗ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà TTT, ông NQT đều thừa nhận đây là những tài sản chung của vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân chưa phân chia, các con chung không có công sức đóng góp gì đối với những tài sản này. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định đây là những tài sản chung hợp nhất của bà TTT, ông NQT cần được phân chia. Tuy nhiên, các đương sự đã thống nhất được cách phân chia, nên Hội đồng xét xử ghi nhận để phân chia như sau:

[2.3.1] Đối với diện tích đất 683,9m^2 thuộc thửa đất số 290, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã HL, thành phố X và các tài sản trên đất gồm: Nhà tạm A1, sân xi măng, tường rào, móng đá học, trụ bê tông, lưới B40, trụ cổng xây gạch, chuồng heo xây gạch, cây mít, cây chuối, bà TTT yêu cầu phân chia toàn bộ thửa đất và các tài sản trên đất cho ông NQT, ông NQT có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị tài sản cho bà TTT. Yêu cầu này được ông NQT chấp nhận nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là hợp tình, hợp lý và không trái quy định của pháp luật.

Cụ thể: Diện tích đất 683,9m^2 có giá trị 341.950.000 đồng. Các tài sản trên đất gồm: Nhà tạm A1; sân xi măng; tường rào; móng đá học, trụ bê tông, lưới B40; trụ cổng xây gạch; chuồng heo; cây chuối, cây mít là 133.637.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 475.587.000 đồng : 2 = 237.793.500đồng/phần.

Ông NQT nhận toàn bộ phần đất và tài sản khác trên đất, nên có nghĩa vụ giao cho bà TTT số tiền 237.793.500đồng.

[2.3.2] Đối với các tài sản gồm: 01 chiếc tivi hiệu Samsung 40 inch; 01 chiếc xe SH; 01 bộ bàn ghế Salon gỗ. Xét thấy, cần giao cho ông NQT tiếp tục được sở hữu, sử dụng chiếc xe máy hiệu SH và 01 tivi Samsung tổng trị giá là 58.000.000đồng; bà TTT được sở hữu, sử dụng bộ bàn ghế Salon gỗ trị giá 15.000.000đồng.

Ông NQT phải có nghĩa vụ giao cho bà TTT số tiền chênh lệch về giá trị tài sản là 21.500.000đồng.

[3] Tổng giá trị tài sản bà TTT được chia là 694.294.460 đồng; Ông NQT được chia là 533.587.000 đồng.

Do vậy, bà TTT phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông NQT tổng số tiền chênh lệch về giá trị tài sản là 80.353.730 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông NQT cho rằng: Năm 2010 Ông đã bán 01 lô đất do đơn vị cấp riêng cho Ông giá 180 triệu đồng và đã sử dụng số tiền này trả

nợ tiền xây nhà. Số tiền còn lại mua lô đất 683,9m^2 tại xã HL giá 160 triệu đồng. Tài sản này đã nhập vào khối tài sản chung để chia đôi, nhưng thửa đất số 07 cấp cho bà TTT, Bà không chịu chia cho ông ½ là bất công, thiệt thòi cho Ông; bà TTT không thừa nhận lời trình bày của ông NQT. Ông NQT không có chứng cứ chứng minh là đã nhập số tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung của vợ chồng, nên không có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên, xét hiện nay ông NQT đã nghỉ hưu, không có chỗ ở khác ổn định. Căn nhà trên đất vườn tại Hòa Long chỉ là nhà tạm vách tôn, mái tôn, khung sắt đơn giản và chủ yếu là dùng để ngủ trong coi vườn và chăn nuôi gà. Trong khi đó bà TTT có căn nhà cấp 3A1 - 01 trệt, 01 lầu và 16 phòng trọ là có chỗ ở ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định buộc bà TTT phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông NQT số tiền 150.000.000đồng để Ông có điều kiện tạo chỗ ở mới ổn định cuộc sống.

Như vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên quyết định về việc chia tài sản sau khi ly hôn của ông NQT và bà TTT. Sửa án sơ thẩm về phần buộc bà TTT phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông NQT số tiền 150.000.000đồng.

[4] Về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá tài sản, sao lục hồ sơ tại cấp sơ thẩm hết 13.000.000đồng; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm hết 1.200.000đồng. Tổng cộng 14.200.000đồng. Bà TTT và ông NQT mỗi người phải chịu 1/2 là 7.100.000 đồng.

Cấn trừ số tiền các bên đã nộp, ông NQT còn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà TTT số tiến 5.900.000đ (năm triệu chín trăm ngàn) đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà TTT và ông NQT phải chịu tương ứng trên giá trị số tài sản được chia là 28.557.629 đồng/người.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông NQT không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 28/2018/HNGĐ-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 33, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC ngày 06/01/2016 của TANTC-VKSNDTC-BTP;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTT về yêu cầu "Chia tài sản sau khi ly hôn".

- Bà TTT được quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt những tài sản sau:

+ Căn nhà cấp 3 A1 (01 triệt , 01 lầu) có diện tích sử dụng là 132,6m^2; nhà tạm gắn liền với nhà cấp 3 A1 diện tích 23,9m^2; 02 dãy nhà trọ (01 dãy diện tích 213,1m^2, 01 dãy diện tích 24,9m^2). Các công trình này đều nằm trên thửa đất số 07 (thửa mới 39) tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường PN, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu (có sơ đồ vị trí ngày 02/5/2018 kèm theo).

+ 01 bộ bàn ghế Salon gỗ (04 ghế đơn, 01 ghế dài, 01 bàn, 04 ghế đẩu).

Tổng giá trị tài sản là 694.294.460 đồng.

- Ông NQT được quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt những tài sản được phân chia từ tài sản sau đây:

+ 01 lô đất diện tích 683,9m^2 thuộc thửa đất số 290, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã HL, thành phố X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và tài sản trên đất (có sơ đồ vị trí lập ngày 02/2/2018 kèm theo bản án).

+ 01 chiếc xe SH biển số 72D1 -18942 (Do ông NQT đứng tên đăng ký);

+ 01 chiếc tivi hiệu Samsung 40 inch.

Tổng giá trị tài sản là 533.587.000 đồng

- Bà TTT có nghĩa vụ thanh toán cho ông NQT số tiền chênh lệch về giá trị tài sản là 80.353.730 đ (tám mươi triệu, ba trăm năm mươi ba ngàn, bảy trăm ba mươi) đồng.

Ông NQT có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, sang tên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 290, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã HL, thành phố X,theo quy định của pháp luật.

- Bà TTT phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông NQT số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu) đồng để ông NQT có điều kiện tạo chỗ ở mới ổn định cuộc sống.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá tài sản, sao lục hồ sơ tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm: Ông NQT phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà TTT số tiến 5.900.000đ (năm triệu chín trăm ngàn) đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Cấp sơ thẩm đã tính đúng quy định nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

6. Về án phí phúc thẩm: Ông NQT không phải chịu. Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng cho ông NQT đã nộp theo biên lai thu số 0002786 ngày 28/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 04/10/2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP. X;
- CCTHADS TP. X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Ngọc Thiện